

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 **Công ty cổ phần đường sắt Sài Gòn** **Năm báo cáo 2018**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát :

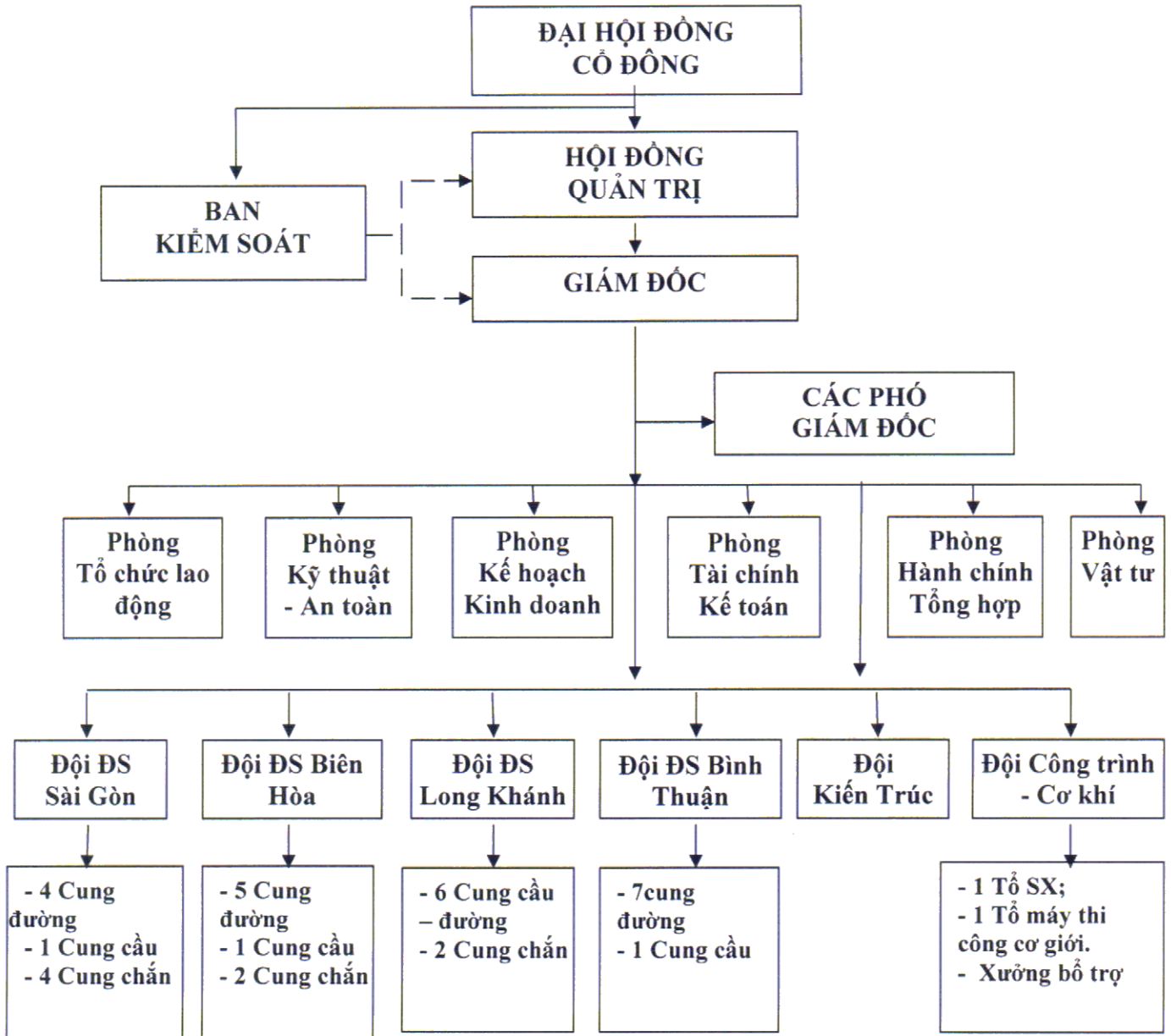
- Tên công ty : **Công ty cổ phần đường sắt Sài Gòn**
- Tên giao dịch : **Công ty cổ phần đường sắt Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0301072382
- Vốn điều lệ: 20.450.000.000VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 23.983.781.121 VNĐ
- Địa chỉ : Số 01 Nguyễn Thông, Phường 09 – Quận 3 – TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : 08.238.436.525
- Số fax : 092.311.975
- Website: Saigonrailwayjsc.com
- Mã cổ phiếu : DSS
- Quá trình hình thành và phát triển:
Tiền thân của Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn là Khu Đường sắt Sài Gòn-Mương Mán và đã mang nhiều tên gọi khác nhau như sau:
 - + Từ 30/4/1975 tiếp quản Ty ốc lộ hỏa xa chế độ cũ, đến tháng 9/1976
 - + Từ 01/10/1976 đến tháng 12/1982: tên gọi là Khu đường sắt Sài Gòn-Đồng Nai;
 - + Từ tháng 12/1982 đến tháng 12/1983: tên gọi là Đoạn cầu đường Sài Gòn –Mương Mán.
 - + Từ tháng 01/1984 đến tháng 6/1996: tên gọi là Xí nghiệp Quản lý Đường Sắt Sài Gòn - Mương Mán.
 - + Từ tháng 6/1996 đến tháng 3/2003: tên gọi là Xí nghiệp Quản lý Đường Sắt Sài Gòn.
 - + Từ tháng 3/2003 đến tháng 9/2010: tên gọi là Công Ty Quản Lý Đường Sắt Sài Gòn.
 - + Từ tháng 9/2010 đến tháng 01/2016: tên gọi là Công Ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Sài Gòn.
 - + Ngày 30/10/2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 3891/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Sài Gòn thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
 - + Ngày 02/02/2016: Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0301072382 do Sở kế hoạch - Đầu tư TP.HCM cấp đăng ký thay đổi lần 1 ngày 02/02/2016, với mức vốn điều lệ là 20.450.000.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống KCHT Đường sắt Quốc gia;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.
- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị : Công ty cổ phần.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



4. Định hướng phát triển:

- Nâng cao giá trị doanh nghiệp;
- Duy trì sản phẩm cốt lõi là bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, mở rộng xây dựng mới công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.
- Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hệ thống quản trị doanh nghiệp.

5. Các rủi ro:

- Địa bàn quản lý của công ty trải dài từ Phan Thiết đến TP Hồ Chí Minh. Trong đó mật độ đường ngang khu vực TP Hồ Chí Minh dày, lưu lượng giao thông đông, ý thức chấp hành luật giao thông của một bộ phận nhân dân chưa cao nên xảy ra sự cố đâm va đường ngang.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018 :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua nghị quyết, trong đó có phương án và giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty, Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, xác định mục tiêu và giao cho Giám đốc và ban điều hành triển khai thực hiện.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

DVT :Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tăng trưởng	
					So 2017	So KH
1	Sản lượng	131.106	152.296	153.807	17,31%	0,1%
2	Doanh thu	122.613	142.712	140.151	14,3%	-1,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.444	3.835	3.852	11,8%	0,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.400	3.068	3.079	28,3%	0,4%
5	Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%)	7,5%	9,6%	9,6%	28,0%	0,0%

2. Tổ chức và nhân sự :

2.1 Hội đồng quản trị :

Họ và tên	Chức vụ
Nguyễn Xuân Hòa	Chủ tịch (đến ngày 31/10/2018)
Nguyễn Công Đông	Chủ tịch (từ ngày 01/11/2018)
Trần Hữu Chiến	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Lê Hồng Phúc	Thành viên HĐQT kiêm P.Giám đốc

ÔNG NGUYỄN XUÂN HÒA

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh:04/9/1958
3. Nơi sinh:Xã Thanh Tiên – Huyện Thanh Chương – TỉnhNghệ An
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ liên hệ: 96/50B Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
6. Chứng minh nhân dân số: 024291102; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh; Ngày cấp: 30/8/2004
7. Điện thoại liên hệ: 0918033359, Email: duongsatsaigon@gmail.com
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường sắt
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không.
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 - Sở hữu cá nhân:20.745 cổ phần, tỷ lệ 1,014 %
 - Sở hữu đại diện:521.475 cổ phần, tỷ lệ 25,5%
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):không.
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không.
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không.

14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

ÔNG NGUYỄN CÔNG ĐÔNG

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 02/12/1966
3. Nơi sinh: Tỉnh Nghệ An
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ liên hệ: 128 Hoa Lan, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
6. Chứng minh nhân dân số: 264024635; Nơi cấp: CA Ninh Thuận; Ngày cấp: 20/7/2012
7. Điện thoại liên hệ: 0913686728 Email: dongthuanhai@gmail.com
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường sắt
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không.
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 - Sở hữu cá nhân: không có
 - Sở hữu đại diện: 521.475 cổ phần, tỷ lệ 25,5%
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không.
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không.
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không.
14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

Ông TRẦN HỮU CHIẾN

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 25/3/1967
3. Nơi sinh: Xã Trung Đông – Huyện Trực Ninh – Tỉnh Nam Định
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ liên hệ: 590/27P Cách mạng tháng Tám, Phường 11, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
6. Chứng minh nhân dân số: 024089062; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh; Ngày cấp: 17/3/2003
7. Điện thoại liên hệ: 0903809351; Email: huuchiensg@gmail.com
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu, Cử nhân tài chính ngân hàng.
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT, Giám đốc
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: 550.221 cổ phần, chiếm 26,91% Vốn điều lệ
 - Sở hữu cá nhân: 19.645 cổ phần, tỷ lệ 0,96%
 - Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: 521.475 cổ phần, tỷ lệ 25,5%
 - Sở hữu của người có liên quan: không
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không.
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không.
14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

Ông LÊ HỒNG PHÚC

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 31/10/1962

3. Nơi sinh: Xã Sơn Mỹ - Huyện Hương Sơn – Tỉnh Hà Tĩnh
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ liên hệ: 88/4 Trần Văn Đang, phường 9, quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
6. Chứng minh nhân dân số: 024038499; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh; Ngày cấp: 23/3/2009
7. Điện thoại liên hệ: 0903728289, Email: lephucdssg@gmail.com
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Đường sắt
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 17.196 cổ phần, chiếm 0,84% Vốn điều lệ
 - Sở hữu cá nhân: 17.196 cổ phần, tỷ lệ 0,84% Vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: không.
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không.
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không.
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không.
14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.2 Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ
Trần Hữu Chiến	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Lê Hồng Phúc	Thành viên HĐQT kiêm P.Giám đốc
Nguyễn Đình Đăng	Phó Giám đốc
Trần Hữu Phương	Phó Giám đốc
Trần Văn Lân	Phụ trách kế toán

Ông NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 06/7/1967
3. Nơi sinh: Xã Hợp Đồng - Huyện Chương Mỹ – Hà Nội
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ liên hệ: 96/66 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
6. Chứng minh nhân dân số: 024038392; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh; Ngày cấp: 31/7/2002
7. Điện thoại liên hệ: 0918180504, Email: nguyendinh dangdssg@gmail.com
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc Công ty
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 19.645 cổ phần, chiếm 0,96% Vốn điều lệ
 - Sở hữu cá nhân: 19.645 cổ phần, tỷ lệ 0,96% Vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: không.
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không.
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không.
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không.
14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

Ông TRẦN HỮU PHƯƠNG

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 05/04/1959
3. Nơi sinh: Xã Mỹ Thắng - Huyện Mỹ Lộc – Tỉnh Nam Định
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ liên hệ: 70 Hoa Hồng, phường 2, quận Phú Nhuận – TP. Hồ Chí Minh
6. Chứng minh nhân dân số: 022771466; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh; Ngày cấp: 17/02/2013
7. Điện thoại liên hệ: 0913830869, Email: phuongtranvtsg@gmail.com
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đầu máy Diesel, Cử nhân quản trị kinh doanh
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc Công ty
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 12.934 cổ phần, chiếm 0,63% Vốn điều lệ
 - Sở hữu cá nhân: 12.934 cổ phần, tỷ lệ 0,63% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: không
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không.
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không
14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

Ông TRẦN VĂN LÂN

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 12/09/1960
3. Nơi sinh: Sài Gòn
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ liên hệ: 288 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Phú Nhuận, TP HCM
6. Căn cước công dân số: 079060006432 Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh; Ngày cấp: 26/9/2018
7. Điện thoại liên hệ: 0903737984, Email: lantran022002@Yahoo.com
8. Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó phòng phụ trách phòng Tài chính Kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: 1700 cổ phần, chiếm 0,08% Vốn điều lệ
 - Sở hữu cá nhân: 1700 cổ phần, tỷ lệ 0,08% Vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: không.
 - Sở hữu của người có liên quan: không.
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không.
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không.
14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

2.3 Danh sách Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Tuyết Nga	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ngô Thị Thủy	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Công Thành	Thành viên Ban kiểm soát

Bà BUI TUYẾN NGA

1. Giới tính: Nữ
2. Ngày sinh: 26/02/1964
3. Nơi sinh: Xã Nhân Quyền – Huyện Bình Giang – Tỉnh Hải Dương
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ liên hệ: 745/156/2 Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh
6. Chứng minh nhân dân số: 264024664; Nơi cấp: Tỉnh Ninh Thuận; Ngày cấp: 03/3/1994
7. Điện thoại liên hệ: 0902584464, Email: buituyet_nga@yahoo.com
8. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng ban Kiểm soát
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
 - Sở hữu cá nhân: 4.524 cổ phần, tỷ lệ 0,221%
 - Sở hữu đại diện: không.
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): Vũ Văn Ban, 600 cổ phần, tỷ lệ 0,029 .
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không.
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không.
14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

Bà NGÔ THỊ THỦY

1. Giới tính: Nữ
2. Ngày sinh: 15/10/1968
3. Nơi sinh: Xã Yên Bái – Huyện Yên Định – Tỉnh Thanh Hóa
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ liên hệ: 96/30 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
6. Chứng minh nhân dân số: 025085219; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh; Ngày cấp: 16/5/2009
7. Điện thoại liên hệ: 0903343881, Email: ngothuy1968@yahoo.com.vn
8. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên BKS, chuyên viên.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 - Sở hữu cá nhân: 1.900 cổ phần, tỷ lệ 0,09%
 - Sở hữu đại diện: không.
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không.
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không.
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không.
14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

Ông NGUYỄN CÔNG THÀNH

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 03/01/1977
3. Nơi sinh: Xã Thanh Nam - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Địa chỉ liên hệ: 36/9/19/25 Nguyễn Triệu Luật, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân – TP. Hồ Chí Minh
6. Chứng minh nhân dân số: 025872020; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh; Ngày cấp: 07/4/2014
7. Điện thoại liên hệ: 0907216559, Email:
8. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
9. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên BKS, Chuyên viên
10. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
- Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, tỷ lệ 0,05%
 - Sở hữu đại diện: không.
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không.
12. Các khoản nợ đối với Công ty: không.
13. Lợi ích liên quan với Công ty: không.
14. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

- a) Các khoản đầu tư lớn: không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính :

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng (giảm)
1	Tổng giá trị tài sản	62.922	73.249	16,4%
2	Doanh thu	122.613	131.885	7,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.444	3.852	11,8%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.400	3.079	28,3%
5	Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%)	7,5%	9,6%	28,0%

b) Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
	1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,33	1,30	
	+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-HTK/ Nợ ngắn hạn)	1,23	1,04	
	2. Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,63	0,67	
	+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,73	2,05	
	3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn HB/Hàng tồn kho BQ)	11,07	13,71	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,95	1,91	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,02	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,10	0,13	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,04	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04	0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: 2.045.000 cổ phần đang lưu hành.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông nhà nước: 1.042.950 cổ phần ~ 51%
- Cổ đông là CBCNV công ty: 1.020.050 cổ phần ~ 49%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Chủ yếu là vật tư chuyên ngành công ty mua phục vụ công tác bảo trì Kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Tổ chức quán triệt trong CBCNLD và thực hiện tốt chủ trương, chương trình giữ gìn bảo vệ môi trường của địa phương và của Ngành Đường sắt.
- Quản lý chặt chẽ định mức sử dụng điện, nước, nguyên nhiên vật liệu tại cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc trên tuyến đường sắt Công ty quản lý.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Chủ yếu phục vụ sinh hoạt và khối văn phòng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Chủ yếu là nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Lao động bình quân năm 2018: 679 người.
- Thu nhập trung bình: 8,830 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Hàng năm công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, đào tạo an toàn vệ sinh lao động, thăm hỏi hỗ trợ gia đình khó khăn, tổ chức tham quan du lịch.

- Kịp thời giải quyết các kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng của người lao động liên quan đến thu nhập, đời sống, việc làm, các điều kiện về đảm bảo ATVSLĐ; tổ chức và thực hiện nghiêm túc chế độ về BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm con người...
- CBCNLĐ chấp hành tốt nội quy, quy chế của Công ty, quy định của địa phương; tích cực hưởng ứng, thực hiện tốt phong trào thi đua lao động sản xuất, góp phần hoàn thành nhiệm vụ KTXH của Công ty năm 2018.

c) Hoạt động đào tạo người lao động :

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức sát hạch định kỳ, đào tạo công nhân gác chần

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Đóng góp quỹ xã hội tổng công ty ĐSVN, quỹ PCBL, hỗ trợ địa phương.
- Tổ chức và thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước và tại địa phương, tích cực hưởng ứng và hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động, đảm bảo ANTTXH, thực hiện tốt công tác PCCN, vệ sinh môi trường.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :

1) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tuy gặp nhiều khó khăn, một số khối lượng công việc phát sinh ngoài kế hoạch, nhưng công ty đã hoàn thành toàn bộ sản phẩm theo hợp đồng đặt hàng với Tổng công ty ĐSVN, nghiệm thu, thanh toán giải ngân hết các nguồn vốn kể cả các công trình ngoài đặt hàng. Kết thúc năm 2018 ghi nhận Công ty đều đạt các chỉ tiêu cơ bản đầu năm đề ra về: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập người lao động, cụ thể là:

DVT :Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	NQ ĐHCĐ Năm 2018	Thực hiện Năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Tăng trưởng so năm 2017
1	Sản lượng	131.106	152.296	153.807	101,0%	17,31%
2	Doanh thu	122.613	142.712	140.151	98,2%	14,30%
3	Tổng chi phí	119.169	138.877	136.299	98,1%	14,37%
4	Lợi nhuận trước thuế	3.444	3.835	3.852	100,4%	11,85%
5	Lợi nhuận sau thuế	2.400	3.068	3.079	100,4%	28,29%
6	Vốn điều lệ	20.450	20.450	20.450	100,0%	0,00%
7	Tỷ suất LN sau thuế/doanh thu(%)	1,96%	2,15%	2,20%	102,2%	12,24%
8	Tỷ suất LN sau thuế/vốn điều lệ(%)	11,74%	15,00%	15,06%	100,4%	28,29%
9	Thu nhập bình quân(Triệu đồng/người/tháng)	7,846	8,630	8,830	102,3%	12,54%
10	Tỷ lệ cơ tức/VĐL(%)	7,5%	9,6%	9,6%	100,0%	28,00%

2) Tình hình tài chính :

a) Tình hình tài sản:

- Các tài sản đều được mở thẻ theo dõi và thực hiện trích khấu hao theo quy định của Bộ

Tài Chính.

b) Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Trong năm công ty đã thanh toán gần hết các khoản nợ phải trả các chỉ số về nợ đều trong mức cho phép.
- Công ty không phải trả nợ lãi vay.

3) *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Công ty tiếp tục sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy chế quản lý nội bộ.

4) *Kế hoạch phát triển trong tương lai:* Tiếp tục nâng cao năng lực nhà thầu (đầu tư thêm máy móc thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý bảo trì KCHTĐS) để tham gia đấu thầu các công trình trong và ngoài ngành.

5) *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 số dư chênh lệch giá trị vật tư thu hồi hộ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đang theo dõi trên khoản mục “ phải thu khác “ trên Báo cáo tài chính của Công ty là 2.120.004.241 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.671.750.897 đồng). Ngày 15 tháng 9 năm 2018 công ty đã có văn bản số 634/BC-ĐSSG báo cáo giải trình số chênh lệch trên với Tổng công ty đường sắt Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch trên bao gồm: chênh lệch giá trị kho vật tư thu hồi và nguồn vật tư thu hồi thời điểm cổ phần hóa tháng 2 năm 2016; khoản nộp ngân sách thừa năm 2014, 2015; chi phí thu hồi vật tư CT tháo dỡ đường ga Phan Thiết chưa được Tổng Cty ĐSVN quyết toán. Để xử lý nội dung trên, ngày 03 tháng 5 năm 2019 Công ty tiếp tục có văn bản số 312/BC-ĐSSG báo cáo giải trình số chênh lệch trên với Đoàn kiểm tra quyết toán nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2018 đang chờ Tổng công ty ĐSVN, Bộ Giao thông vận tải quyết toán.

6) *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.*

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

- Sản phẩm chính của công ty là bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hợp đồng đặt hàng, nên việc tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải rất ít.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Sản phẩm chính của công ty sử dụng lao động thủ công là chính, nên công ty rất quan tâm đến người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như: đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm theo luật lao động và luật bảo hiểm, trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, chi trả bồi dưỡng độc hại...

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Là doanh nghiệp đóng quân trên địa bàn trải dài từ Bình Thuận đến TP Hồ Chí Minh, nên công ty luôn chấp hành nghiêm chủ trương chính sách của nhà nước và địa phương, tham gia tốt các hoạt động do địa phương phát động như đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào khó khăn ...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá các mặt hoạt động công ty:

- Trong năm 2018 HĐQT luôn bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ để chỉ đạo, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- HĐQT thường xuyên quan tâm hỗ trợ, giám sát hoạt động điều hành đối với Ban giám đốc thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, qua trao đổi hàng ngày hoặc qua số liệu báo cáo của các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc;
- HĐQT Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, công tác quản lý và các mặt hoạt động khác. HĐQT đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được

quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty thông qua các cuộc họp định kỳ hàng quý, dự họp giao ban hàng tháng và các báo cáo của Giám đốc công ty, các ý kiến và báo cáo của Ban Kiểm soát. Từ đó Hội đồng quản trị đã cùng với Giám đốc đề ra các giải pháp tháo gỡ, khắc phục khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám đốc đã triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT theo đúng chức năng và thẩm quyền, đảm bảo tình hình SXKD của Công ty được duy trì tốt và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, quy định đã chỉ đạo trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2018 đã được ĐHĐCĐ, HĐQT giao, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động. Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế nội bộ trong công tác điều hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

- Hội đồng quản trị giao ban điều hành tập trung thực hiện tốt hợp đồng đặt hàng 2019 đã ký: hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ. Đồng thời tiếp tục triển khai dự án nâng cao năng lực nhà thầu thi công, tích cực tìm kiếm và phát triển sản lượng làm ngoài, kinh doanh dịch vụ, khai thác có hiệu quả quỹ đất, thi công cơ giới, nâng cao quản trị sản xuất, quản trị doanh nghiệp góp phần thúc đẩy phát triển SXKD đạt hiệu quả cao: tăng trưởng về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đạt chỉ tiêu ĐSVN giao, Nghị quyết ĐHCĐ 2019; tiếp tục chú trọng cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống CBCNV, thu nhập người lao động.

Các chỉ tiêu kế hoạch 2019 của Công ty:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	TH năm 2018	KH 2019	Tăng trưởng so năm 2018
1	Sản lượng	153.807	175.787	14,29%
2	Doanh thu thuần	140.151	153.339	9,41%
3	Tổng chi phí	136.299	148.548	8,99%
4	Lợi nhuận trước thuế	3.852	4.791	24,38%
5	Lợi nhuận sau thuế	3.079	3.833	24,49%
6	Vốn điều lệ	20.450	20.450	0,00%
7	Tỷ suất LN sau thuế/doanh thu thuần (%)	2,20%	2,50%	13,78%
8	Tỷ suất LN sau thuế/vốn điều lệ(%)	15,06%	18,74%	24,49%
9	Thu nhập bình quân(Tr/người/tháng)	8,83	9,71	10,00%
10	Tỷ lệ cổ tức/VĐL(%)	9,60%	11,2%	16,67%

V. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán :

- Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính

kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán : Hồ sơ gửi kèm

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Trần Hữu Chiến